

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN
S THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04** /2024/HNGĐ - ST
Ngày: 22-02 -2024
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đồng Tịnh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phú Huy – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2023/TLST-HNGĐST ngày 24 tháng 11 năm 2023 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn số 10 ngày 24/01/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn M**- sinh ngày: 25/5/1971- Hộ khẩu thường trú: K52/5 đường L, tổ 20 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh ngày: 20/6/1985; Hộ khẩu thường trú: K52/5 đường L, tổ 20 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023, nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông M kết hôn với bà Huỳnh Thị Thanh T năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 12/6/2003. Sau khi kết hôn ông bà về sống tại K52/5 đường L, tổ 20 phường P, quận S, Đà Nẵng. Đến năm 2016, Ông M và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có sự chia sẻ về kinh tế, ngoài ra bà T còn ham mê bài bạc không chăm lo cho gia đình nên giữa chúng tôi thường xảy ra cãi vã, có những lời lẽ xúc phạm đến nhau dẫn đến việc bà T nhiều lần bỏ nhà đi. Nay ông M xác định không còn yêu thương bà T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông M xác định có 03 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 10/9/2003; Nguyễn Mỹ Nhật P sinh ngày 21/4/2006; Nguyễn Huỳnh Gia B sinh ngày 03/6/2012. Ly hôn, nguyên vọng của ông M là được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Mỹ Nhật P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia B cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông M không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V đã đủ 18 tuổi, phát triển hoàn toàn bình thường nên ông M không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Ông M và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông M xác định không có

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Thanh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M về việc ly hôn với bà Huỳnh Thị Thanh T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Mỹ Nhật P sinh ngày 21/4/2006; Nguyễn Huỳnh Gia B sinh ngày 03/6/2012 cho ông Nguyễn M trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Mỹ Nhật P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia B cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V đã đủ 18 tuổi, phát triển hoàn toàn bình thường nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Ông M và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Ông M xác định không có, bà T không có ý kiến. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa ông M, bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Thanh T.

Về nội dung vụ án:

[3] Ông Nguyễn M và bà Huỳnh Thị Thanh T kết hôn năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường P, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 12/6/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo ông M do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có sự chia sẻ về kinh tế, ngoài ra bà T còn ham mê bài bạc không chăm lo cho gia đình nên giữa chúng tôi thường xảy ra cãi vã, có những lời lẽ xúc phạm đến nhau dẫn đến việc bà T nhiều lần bỏ nhà đi. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông M xác định không còn yêu thương bà T nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn bà T mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông M thì thấy: Giữa ông M, bà T từ khi kết hôn năm 2003 đến nay hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Đối với bà T có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện bà T vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân bà T không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với ông M. Mặt khác, mâu thuẫn gia đình theo ông M trình bày cũng phù hợp với cung cấp của địa phương nơi ông bà sinh sống. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông M, bà T đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông M được ly hôn bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56, Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về con chung: Ông M xác định có 03 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 10/9/2003; Nguyễn Mỹ Nhật P sinh ngày 21/4/2006; Nguyễn Huỳnh Gia B sinh ngày 03/6/2012. Ly hôn, nguyện vọng của ông M là được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Mỹ Nhật P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia B cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông M không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V đã đủ 18 tuổi, phát triển hoàn toàn bình thường nên ông M không yêu cầu gì.

[6.1] Xét yêu cầu của ông M về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn xảy ra, bà T bỏ nhà đi thì ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng các con do đó Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ông M là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của ông M.

[6.2] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Ông M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về nợ chung: Ông M xác định không có. Bà T không có ý kiến nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[9] Chi phí đăng tin: Ông Nguyễn M tự nguyện chịu (đã chi và thanh toán xong).

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Nguyễn M với bà Huỳnh Thị Thanh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn M được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thanh T (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn M đối với bà Huỳnh Thị Thanh T nên giấy chứng nhận kết hôn số 65 do UBND phường P, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 12/6/2003 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về con chung: Ông M và bà T có 03 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V, sinh ngày 10/9/2003; Nguyễn Mỹ Nhật P sinh ngày 21/4/2006; Nguyễn Huỳnh Gia B sinh ngày 03/6/2012. Giao hai cháu Nguyễn Mỹ Nhật P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia B cho ông Nguyễn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Thảo V đã đủ 18 tuổi, phát triển hoàn toàn bình thường, ông M không yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Các bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

5. Chi phí đăng tin: Ông Nguyễn M tự nguyện chịu (đã chi và thanh toán xong).

6. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: ông Nguyễn M thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường P, quận S; ĐN
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh